

Số: 6316 /VĐ-VTTBYT
V/v Yêu cầu báo giá TTBYT

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm vật tư y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phan Phương Khanh (SĐT: 0936.925.945).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư- Thiết bị y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ **Số hiệu văn bản YCBG** trong nội dung email.

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h, ngày 13 tháng 12 năm 2024 đến trước 16h ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Lưu ý: Yêu cầu quý công ty cung cấp thông tin đơn giá của các mặt hàng trong nội dung báo giá của mình trong trường hợp bệnh viện cần thay đổi số lượng cần mua sắm.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế: Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư – Phòng VT-TBYT – Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: ≤ 48 giờ kể từ khi có yêu cầu của Bệnh viện.

4. Các thông tin khác (nếu có):

4.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh của đơn vị chào giá;
- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày

03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP (áp dụng đối với các thiết bị loại B, C, D);

- Báo giá (theo mẫu đính kèm).
- Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của trang thiết bị và các tài liệu khác liên quan đến trang thiết bị (Chứng nhận ISO của hãng sx (còn hạn), Giấy phép nhập khẩu/Giấy chứng nhận lưu hành hoặc các tài liệu tương đương);
- Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa tương tự (nếu có).
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Căn cứ vào số lượng gọi hàng, Bên Bán thực hiện việc xuất hóa đơn thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, giao cho Bệnh viện mua làm cơ sở để thanh toán, thời gian thanh toán tối đa 90 ngày kể từ khi Bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định cho Bệnh viện.
- Các thông tin khác (nếu có).

4.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: VT, VT-TBYT.

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT



Hoàng Bảo Anh

PHỤ LỤC 01. BẢNG MÔ TẢ

(Kèm theo công văn số: 6316 /VĐ-VTTBYT ngày 11 tháng 12 năm 2024)

Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Hàng hóa mới 100%.
- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 còn hiệu lực.

II. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN:

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Kim lấy thuốc, lấy máu	- Kim dùng để lấy thuốc và lấy máu. - Làm từ chất liệu thép không gỉ, an toàn trong y tế. - Độ dài kim từ 35mm - 40mm, mũi kim vát. Cung cấp được tối thiểu các số kim 18G và 20G. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	4.599.912
2	Kim cánh bướm	- Kim tráng silicon, mũi kim vát 3 cạnh. Cánh gấp có nhiều màu sắc tương ứng với các kích cỡ kim khác nhau. Cung cấp được tối thiểu các cỡ 23G và 25G. - Dây dài tối thiểu 30cm được làm từ chất liệu PVC trong suốt, không có chất DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	61.752
3	Kim luồn mạch máu (dùng cho bệnh nhân hồi sức và cho các kỹ thuật trong chẩn đoán hình ảnh)	- Kiểu không cánh. - Catheter bằng chất liệu ETFE. Thời gian lưu được kim trong thành mạch ≥ 72 giờ. - Có tối thiểu các cỡ: + 14G (độ dài catheter khoảng 65 mm $\pm \leq 5\%$), + 16G (độ dài catheter khoảng 50 mm $\pm \leq 5\%$), + 18G (độ dài catheter khoảng 50 mm $\pm \leq 5\%$), + 20G (độ dài catheter khoảng 50 mm $\pm \leq 5\%$), + 22G (độ dài catheter khoảng 25 mm $\pm \leq 5\%$), + 24G (độ dài catheter khoảng 20mm $\pm \leq 5\%$). - Được đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	892.080

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
4	Kim luồn mạch máu	- Kiểu không cánh. - Catheter làm bằng chất liệu Polyurethane (PU), Thời gian lưu được kim trong thành mạch ≥ 72 giờ. - Có tối thiểu các cỡ: + 16G (độ dài catheter khoảng $50\text{mm} \pm \leq 5\%$), + 18G (độ dài catheter khoảng $50\text{mm} \pm \leq 5\%$), + 20G (độ dài catheter khoảng $50\text{mm} \pm \leq 5\%$), + 22G (độ dài catheter khoảng $25\text{mm} \pm \leq 5\%$), + 24G (độ dài catheter khoảng $20\text{mm} \pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	732.144
5	Kim luồn mạch máu an toàn	- Kiểu có cánh, có đầu bảo vệ bằng kim loại; - Catheter làm bằng chất liệu Polyurethane (PU), thời gian lưu được kim trong thành mạch ≥ 72 giờ; - Cung cấp được tối thiểu các cỡ: 18G, 20G, 22G, 24G; - Có màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền; - Có tối thiểu 2 đường cân quang ngấm; - Có cửa bơm thuốc; - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	44.808
6	Bơm tiêm 1ml kèm kim	Bơm tiêm 1ml kèm kim: - Phần xanh trong suốt, có vạch chia. Cung cấp được cả loại đầu xoắn và đầu trượt. - Kim vát 3 cạnh có nắp đậy. Cung cấp tối thiểu các cỡ kim 23G, 25G. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	423.576
7	Bơm tiêm 3ml kèm kim	Bơm tiêm 3ml kèm kim: - Phần xanh trong suốt, có vạch chia. Cung cấp được cả loại đầu xoắn và đầu trượt. - Kim vát 3 cạnh có nắp đậy. Cung cấp tối thiểu các cỡ kim 23G, 25G. - Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	220.560

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
8	Bơm tiêm 5 ml kèm kim	Bơm tiêm 5ml kèm kim: - Phần xilanh trong suốt, có vạch chia. Cung cấp được cả loại đầu xoắn và đầu trượt. - Kim vát 3 cạnh có nắp đậy. Cung cấp tối thiểu các cỡ kim 23G, 25G. - Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	2.549.760
9	Bơm tiêm 10ml kèm kim	Bơm tiêm 10ml kèm kim: - Phần xilanh trong suốt, có vạch chia. Cung cấp được cả loại đầu xoắn và đầu trượt. - Kim vát 3 cạnh có nắp đậy. Cung cấp tối thiểu các cỡ kim 23G, 25G. - Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	3.906.288
10	Bơm tiêm 20ml kèm kim	Bơm tiêm 20ml kèm kim: - Phần xilanh trong suốt, có vạch chia. Cung cấp được cả loại đầu xoắn và đầu trượt. - Kim vát 3 cạnh có nắp đậy. Cung cấp tối thiểu các cỡ kim 23G, 25G. - Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	1.621.032
11	Bơm cho ăn 50ml	- Bơm tiêm nhựa 50ml. Phần xilanh trong suốt, có vạch chia. - Piston có lỗ vòng ngón tay cầm ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	108.408
12	Bơm tiêm dùng cho bơm tiêm điện 50ml (đầu xoắn)	- Bơm tiêm nhựa 50ml, đầu xoắn, dùng cho bơm tiêm điện. Phần xilanh trong suốt, có vạch chia. Tương thích với các loại bơm tiêm điện bệnh viện đang sử dụng của hãng Terumo, Medcaptain. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	590.160

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
13	Dây nối bơm tiêm điện	- Dây dài tối thiểu 140cm, được làm từ chất liệu PVC, 2 đầu dây có khóa vận xoắn an toàn. Chịu được áp lực cao ≥ 140 psi; - Đường kính trong 0.9mm ($\pm 5\%$). - Không có chất DEHP hoặc thành phần gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	155.592
14	Chạc ba tiêm (chịu áp lực cao)	- Loại không dây, đầu nối dẫn dịch trong suốt. - Chịu được áp lực cao lên đến ≥ 175psi. - Sản phẩm làm bằng chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	101.256
15	Chạc ba tiêm	- Loại không dây, đầu nối dẫn dịch trong suốt. - Chịu được áp lực cao lên đến ≥ 100psi. - Sản phẩm làm bằng chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	360.360
16	Chạc ba tiêm có dây nối 10 cm (chịu áp lực cao)	- Loại có dây nối dài 10cm ($\pm 5\%$), dây và các đầu nối dẫn dịch trong suốt, đầu nối kiểu vận xoáy. - Chịu áp lực cao lên đến ≥ 150psi. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc các thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	45.240
17	Chạc ba tiêm có dây nối 10cm	- Loại có dây nối dài 10cm ($\pm 5\%$), dây và các đầu nối dẫn dịch trong suốt, đầu nối kiểu vận xoáy. - Chịu áp được áp lực ≥ 55psi. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc các thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	227.136
18	Chạc ba tiêm có dây nối 25cm (chịu áp lực cao)	- Loại có dây nối dài 25cm ($\pm 5\%$), dây và các đầu nối dẫn dịch trong suốt, đầu nối kiểu vận xoáy. - Chịu áp lực cao lên đến ≥ 150psi. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc các thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	161.568

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
19	Chạc ba tiêm có dây nối 25cm	- Loại có dây nối dài 25cm ($\pm 5\%$), dây và các đầu nối dẫn dịch trong suốt, đầu nối kiểu vặn xoáy. - Chịu áp lực cao lên đến ≥ 140psi. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc các thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Chiếc	592.800
20	Dây truyền dịch (hóa chất và dịch nuôi dưỡng)	Dây truyền dịch hóa chất và dịch nuôi dưỡng: - Chất liệu: PVC an toàn trong y tế, không chứa DEHP, chịu được áp lực tối thiểu 2bar; - Dây dài tối thiểu 180cm; đường kính trong 3mm ($\pm 5\%$); - Có đầu vặn xoắn luer lock, có cổng bơm thuốc, có khóa điều chỉnh giọt; - Van thông khí: có màng lọc vi khuẩn và virus có kích cỡ lỗ lọc $\leq 0.2\mu\text{m}$; - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm; có màng lọc dịch có hydrophilic kích cỡ lỗ lọc $\leq 15\mu\text{m}$; màng lọc có khả năng tự ngắt khi hết dịch. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	117.648
21	Dây truyền dịch	- Chất liệu: PVC an toàn trong y tế; - Dây dài tối thiểu 180cm; - Có đầu vặn xoắn luer lock, có cổng bơm thuốc, có khóa điều chỉnh giọt; - Van thông khí: có màng lọc vi khuẩn và virus có kích cỡ lỗ lọc $\leq 0.2\mu\text{m}$; - Bầu đếm giọt dung tích $\geq 8\text{ml}$, có màng lọc dịch nylon có kích cỡ lỗ lọc $\leq 15\mu\text{m}$. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	1.264.104
22	Dây truyền máu	Dây truyền máu: - Chất liệu: PVC an toàn trong y tế, không chứa DEHP; - Dây dài tối thiểu 160cm; - Có đầu vặn xoắn luer lock, có cổng bơm thuốc, có khóa điều chỉnh giọt; - Có kim số 18G làm từ thép không gỉ, đầu kim vát 3 cạnh không có gờ; - Có bầu 2 ngăn chiều dài bầu 110mm ($\pm 5\%$) trong suốt, tốc độ dòng chảy 20 giọt/1ml ($\pm 5\%$). Lưới lọc có đường kính lỗ 200 μm ($\pm 5\%$); Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Bộ	75.384
23	Dây dẫn oxy	- Chất liệu PVC an toàn trong y tế; - Dài 200cm ($\pm 5\%$); - Lòng ống dây được thiết kế có rãnh chống gãy gập; - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	6.816

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
24	Dây silicon dẫn lưu	Dây dẫn lưu bằng silicon y tế trong suốt. Đường kính trong 5mm ($\pm 5\%$), đường kính ngoài 7mm ($\pm 5\%$). Chiều dài dây 120mm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	2.232
25	Túi nước tiểu	Dung tích tối thiểu 2000ml, dây dẫn dài tối thiểu 90cm. Có 2 dây (hoặc quai) treo, van xả một chiều kiểu chữ T. Có van 1 chiều chống trào ngược. Túi trong, có chia vạch và có bảng ghi thông tin bệnh nhân. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	114.432
26	Túi nước tiểu (có cổng lấy mẫu)	Dung tích chứa tối thiểu 2000ml. Chất liệu làm từ nhựa an toàn trong y tế, độ dày $\geq 0,3\text{mm}$ và có màu trắng trong, có thang đo mức thải nước tiểu, có van chống trào ngược. Túi có buồng nhỏ giọt, bộ lọc khí, có cổng lấy mẫu không kim, có van chữ T trên đáy túi nước tiểu để xả nước tiểu, có móc treo bằng nhựa cứng cao 9-10cm và dây treo dài tối thiểu 75cm. Dây dẫn nước tiểu: bằng nhựa đường kính ngoài 10mm ($\pm 5\%$), chiều dài dây 90cm ($\pm 5\%$). Túi được kèm theo kẹp ống và kẹp giường. Tiệt trùng đơn chiếc, sử dụng một lần.	Cái	3.216
27	Sonde dạ dày một nòng	Chất liệu PVC mềm an toàn dùng được trong y tế, có đường cảm quang chạy dọc thân ống. Có vạch đánh dấu trên thân ống. Cung cấp được tối thiểu các kích thước: - Dùng cho trẻ em: 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr với chiều dài tối thiểu là 50cm, có 2 mắt phụ. - Dùng cho người lớn: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr với chiều dài tối thiểu 125cm; có 4 mắt phụ. Đầu nối tương thích với bơm cho ăn tiêu chuẩn.	Cái	81.000
28	Sonde hút nội khí quản	Chất liệu nhựa y tế PVC mềm. Có 2 mắt phụ. Bề mặt sonde được mài nhẵn, có khả năng chịu áp lực cao lên đến 400mmHg. Cung cấp được tối thiểu các kích thước 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr với chiều dài khoảng 50 cm ($\pm 5\text{cm}$).	Cái	326.688
29	Sonde hút đờm, nhớt	Sonde hút đờm, nhớt. Có 2 mắt phụ. Sản phẩm làm bằng chất liệu PVC mềm. Cung cấp được tối thiểu các kích thước: 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc. Sonde dài khoảng 50cm ($\pm 5\text{cm}$).	Cái	833.760

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
30	Dây nối	Dây dài tối thiểu 140cm, được làm từ chất liệu PVC trong, 2 đầu dây có khóa vặn xoắn an toàn tương thích với đầu nối dây truyền dịch và chạc ba tiêm, áp lực ≥ 2 bar. Đường kính trong 3mm ($\pm 5\%$). Không có chất DEHP hoặc thành phần gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	21.576
31	Ống dẫn lưu silicon người lớn	Làm từ chất liệu nhựa PVC an toàn trong y tế, màu trắng trong. Đường kính bên trong ống 7mm ($\pm 5\%$), chiều dài 400mm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	16.128
32	Ống dẫn lưu silicon trẻ em	Làm từ chất liệu nhựa PVC an toàn trong y tế, màu trắng trong. Đường kính bên trong ống 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài 400mm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	22.008
33	Sonde thực hậu môn	Sonde thực hậu môn, dài tối thiểu 400mm, làm từ chất liệu nhựa PVC an toàn trong y tế. Có 2-4 lỗ bên. Cung cấp được tối thiểu các số 22Fr, 24Fr, 26Fr, 28Fr. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	8.496
34	Bình hút dịch chân không (Redon)	Cấu tạo gồm: + 01 Bình chứa dịch áp lực âm: dung tích tối thiểu 600ml, có vạch và số chia dung tích chứa dịch, áp lực hút tối thiểu 70mmHg. + 01 Dây nối dẫn dịch + 01 Van chống trào ngược + 01 Ống dẫn lưu vết thương có lỗ, có đánh dấu cân quang, chiều dài từ 500mm - 1100mm, đường kính gồm tối thiểu các cỡ: 8; 10; 12; 14; 16 CH/FR. + 01 Kim	Bộ	1.560
35	Canule Mayo	Bằng nhựa y tế. Cung cấp được đủ các kích thước từ 40-120mm tùy theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện. Các kích thước khác nhau được phân biệt bằng các màu sắc khác nhau.	Cái	27.648
36	Sonde Pezzer	Làm bằng cao su mềm, dài khoảng 400mm ($\pm 5\%$). Cung cấp được tối thiểu các kích thước 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr, 26Fr, 28Fr tùy theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện.	Cái	1.032

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
37	Găng mổ tiệt trùng	- Chất liệu: cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính; - Có lượng bột tan vừa phải hoặc có thành phần tương đương có tác dụng chống mồ hôi tay và dễ sử dụng. Lượng bột : $\leq 80\text{mg}/\text{đôi}$; - Cung cấp được tối thiểu kích cỡ 6.5 - 7.0 - 7.5; - Chiều dài tối thiểu 280mm. Dày tối thiểu 0.15mm. - Lực kéo đứt trước già hóa: $\geq 12,5\text{N}$, sau già hóa: $\geq 9,5\text{N}$. Độ giãn đứt trước già hóa: $\geq 700\%$, sau lão hóa: $\geq 550\%$. - Lượng protein: $\leq 200\mu\text{g}/\text{dm}^2$, mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. - Tiệt trùng bằng khí EO.	Đôi	2.020.080
38	Sonde thở oxy	Chiều dài sonde tối thiểu 2500mm. Sản phẩm làm bằng chất liệu PVC. Cung cấp đầy đủ cỡ cho trẻ em, sơ sinh và người lớn. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	56.256
39	Mask thở oxy	Chất liệu PVC trong suốt, có dây đeo chun giãn. Có gọng bằng kim loại mềm. Đầu nối tương thích với dây dẫn oxy tiêu chuẩn. Có dây dẫn kèm theo dài tối thiểu 1,8m. Cung cấp được tối thiểu các cỡ M, L, XL.	Cái	155.160
40	Bộ xông khí dung qua mặt nạ người lớn, trẻ em	Chất liệu PVC trong suốt, có dây đeo chun giãn. Một đầu dây dẫn lắp với bầu khí rung lắp ráp khít vào mặt nạ. Đầu nối tương thích với dây dẫn oxy tiêu chuẩn. Có dây dẫn kèm theo dài tối thiểu 1,8m. Có tối thiểu các cỡ S, M, L, XL phù hợp với trẻ em, người lớn. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc	Cái	43.008
41	Ống nối dẫn lưu nhon (Raccord)	Chất liệu nhựa cứng dùng được trong y tế. Dạng thẳng, đầu nhọn. Không bị biến dạng sau khi tiệt trùng bằng các phương pháp tiệt trùng tại bệnh viện.	Cái	126.216
42	Ống nối dẫn lưu thẳng (Raccord)	Chất liệu nhựa cứng an toàn dùng được trong y tế. Dạng thẳng. Không bị biến dạng sau khi tiệt trùng bằng các phương pháp tiệt trùng tại bệnh viện.	Cái	39.936
43	Ống nối dẫn lưu chữ Y (Raccord)	Chất liệu nhựa cứng an toàn dùng được trong y tế, kiểu chữ Y có khác ở các đầu. Dài 100mm ($\pm 5\%$). Không bị biến dạng sau khi tiệt trùng bằng các phương pháp tiệt trùng tại bệnh viện.	Cái	9.192
44	Ống nối dẫn lưu thẳng có khác (Raccord)	Chất liệu nhựa cứng an toàn dùng được trong y tế, Có khác ở hai đầu. Dài tối thiểu 90mm, đường kính ngoài ống đoạn nhỏ nhất trong khoảng 5mm-8mm; đường kính ngoài ống đoạn to nhất trong khoảng 12mm - 15mm. Có khác ở hai đầu. Không bị biến dạng sau khi tiệt trùng bằng các phương pháp tiệt trùng tại bệnh viện.	Cái	88.512

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
45	Lưỡi dao mổ	Chất liệu bằng thép. Tiệt trùng đơn chiếc. Cung cấp được tối thiểu các kích thước 11, 15, 21, 22.	Cái	363.768
46	Dây dẫn lưu hút nhựa	Dây làm bằng nhựa PVC mềm, trong suốt. Chiều dài tối thiểu 150cm. Đường kính trong của dây khoảng 8mm ($\pm 5\%$). Có đầu đủ công kết nối với bình chứa dịch và ống hút cứng tiêu chuẩn.	Cái	232.128
47	Túi nylon dùng bọc Camera mổ nội soi	Thành phần bao gồm: 01 túi nylon kích thước 10cm x 15cm ($\pm 5\%$), có dây buộc; 01 ống nylon đường kính 18cm ($\pm 5\%$), dài tối thiểu 230cm. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	87.984
48	Túi nylon bọc kính vi phẫu	Chất liệu nylon, kích thước 110cm x 160cm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	16.440
49	Màng mổ vô trùng cỡ nhỏ (Opsite)	- Cấu tạo: lớp film chất liệu Polyester có phủ chất kháng khuẩn Iodophor. - Kích thước lớp dính $\geq 20\text{cm} \times 25\text{cm}$, kích thước toàn màng $\geq 20\text{cm} \times 30\text{cm}$. - Thành phần Iodine trong màng kháng khuẩn thẩm thấu sâu dưới da lên tới 1000μm và hiệu quả kháng khuẩn 99,999% đối với 12 loại vi sinh vật sau 90 phút sử dụng và kéo dài ít nhất 6 giờ. - Thiết kế đặc biệt với viền giấy giúp thuận tiện dễ dàng khi dán. - Tiệt khuẩn từng miếng	Cái	64.200
50	Màng mổ vô trùng chất kháng khuẩn cỡ lớn	- Cấu tạo: lớp film chất liệu Polyester có phủ chất kháng khuẩn Iodophor. - Kích thước lớp dính $\geq 45\text{cm} \times 60\text{cm}$, kích thước toàn màng $\geq 45\text{cm} \times 90\text{cm}$. - Thành phần Iodine trong màng kháng khuẩn thẩm thấu sâu dưới da lên tới 1000μm và hiệu quả kháng khuẩn 99,999% đối với 12 loại vi sinh vật sau 90 phút sử dụng và kéo dài ít nhất 6 giờ. - Thiết kế đặc biệt với viền giấy giúp thuận tiện dễ dàng khi dán. - Tiệt khuẩn từng miếng	Cái	49.536

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
51	Màng mổ vô trùng chất kháng khuẩn cỡ vừa	- Cấu tạo: lớp film chất liệu Polyester có phủ chất kháng khuẩn Iodophor. - Kích thước lớp dính $\geq 34\text{cm} \times 35\text{cm}$, kích thước toàn màng $\geq 60\text{cm} \times 35\text{cm}$. - Thành phần Iodine trong màng kháng khuẩn thẩm thấu sâu dưới da lên tới $1000\mu\text{m}$ và hiệu quả kháng khuẩn 99,999% đối với 12 loại vi sinh vật sau 90 phút sử dụng và kéo dài ít nhất 6 giờ. - Thiết kế đặc biệt với viền giấy giúp thuận tiện dễ dàng khi dán. - Tiệt khuẩn từng miếng	Cái	58.752
52	Đoạn nối dây máy thở (loại thẳng)	Loại thẳng, làm bằng nhựa PVC/PP trong suốt. Chiều dài tối thiểu 15cm, đầu nối 22mm/15mm.	Cái	82.080
53	Đoạn nối dây máy thở (loại có đầu cắt)	Loại có đầu cắt, làm bằng nhựa an toàn trong y tế, trong suốt. Chiều dài tối thiểu 14 cm, đầu nối 22mm/15mm. Có đầu cắt xoay 360°, có công kết nối với thiết bị đo CO2.	Cái	28.440
54	Sonde Foley 2 chạc (thành ống chống gãy gập)	Sonde có 2 nhánh. Chất liệu cao su có phủ silicon hoặc hoàn toàn bằng silicon, không có chất DEHP. Có van bơm bóng đảm bảo giữ được áp lực tối thiểu 24 giờ. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc. Cung cấp được tối thiểu các số: - Dùng cho người lớn: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr, 26 Fr; kích thước bóng $\geq 30\text{ml}$. Sonde dài khoảng 400mm ($\pm 5\%$). - Dùng cho trẻ em: 8Fr, 10Fr; kích thước bóng $\geq 3\text{ml}$. Sonde dài khoảng 280mm ($\pm 5\%$).	Cái	68.376
55	Sonde Nelaton	Ống thông làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên hoặc PVC y tế, chiều dài tối thiểu 25cm. Cung cấp được tối thiểu các cỡ 8Fr và 10Fr tùy theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện.	Cái	23.184
56	Túi áp lực cao (dùng trong truyền áp lực cao)	Túi truyền áp lực cao dung tích tối thiểu 500ml, dùng để bơm máu và dịch truyền tốc độ nhanh, có bóng bóp mềm, có khóa van 3 chạc, kín chống thoát khí, có cấu tạo hiển thị mức áp lực, có lưới nylon mặt sau của túi.	Cái	456
57	Băng garo cao su tiệt trùng	Chất liệu cao su, không phủ bột talc. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc, kích thước (Dài x Rộng x Dày) khoảng 1000 x 70 x 0.5mm ($\pm 5\%$)	Cái	18.312

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
58	Băng garo cao su chưa tiệt trùng	Chất liệu cao su, không phủ bột talc. Kích thước (Dài x Rộng x Dày) khoảng 1000 x 70 x 0.4mm ($\pm 5\%$)	Cái	79.992
59	Ống hút cứng dùng trong phẫu thuật	Chất liệu bằng nhựa y tế trong suốt. Chiều dài từ đầu ống tới cuối ống tối thiểu 25cm, đường kính trong của đầu tay cầm là 7mm ($\pm 5\%$). Độ cong $34^\circ \pm 5^\circ$. Đầu hút có lỗ. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	96.096
60	Phin làm ấm và lọc khuẩn (dùng cho bệnh nhân hồi sức)	- Phin lọc đa chức năng: lọc khuẩn, virus, làm ấm, làm ẩm; sử dụng cơ chế lọc tĩnh điện. - Khả năng lọc khuẩn, lọc virus: $\geq 99,5\%$; - Thể tích lưu thông khí: từ $\leq 150\text{ml}$ đến $\geq 1000\text{ml}$; - Độ ẩm khí thở ra: $\geq 30\text{ mg H}_2\text{O/l}$ (tại VT 500ml) - Độ thoát ẩm: $\leq 9,5\text{ mg H}_2\text{O/l}$ (tại VT 500ml) - Trở kháng: + $\leq 1,0\text{ cmH}_2\text{O}$ (tại 30L/phút), + $\leq 2,0\text{ cmH}_2\text{O}$ (tại 60L/phút), + $\leq 4,0\text{ cmH}_2\text{O}$ (tại 90L/phút), - Khoảng chết (khối lượng nén): $\leq 55\text{ml}$ - Thời gian dùng (sau khi lắp đặt): tối thiểu 24 tiếng. - Cổng kết nối 2 đầu cỡ: 22mm/15mm .. - Có cổng lấy mẫu, có nắp đậy.	Cái	40.824
61	Phin làm ấm và lọc khuẩn	- Phin lọc đa chức năng: lọc khuẩn, virus, làm ấm, làm ẩm; sử dụng cơ chế lọc tĩnh điện. - Loại dùng cho người lớn; - Khả năng lọc khuẩn, lọc virus: $\geq 99,9\%$; - Độ ẩm khí thở sau khi qua phin lọc: $\geq 30\text{ mg H}_2\text{O/l}$ (tại VT 250ml hoặc VT 500ml) - Trở kháng: $\leq 1,0\text{ hPa}$ (tại 30L/phút) - Có cổng lấy mẫu. - Khoảng chết (Khối lượng nén) $\leq 55\text{ml}$; - Không có latex (Latex free); - Thời gian dùng (sau khi lắp đặt): tối thiểu 10 tiếng; - Cổng kết nối 2 đầu cỡ: 22mm/15mm.	Cái	120.864

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
62	Phin làm ẩm (dùng cho trẻ em)	Phin lọc đa chức năng: lọc khuẩn, làm ẩm và làm ẩm dùng cho trẻ em, sử dụng cơ chế lọc tĩnh điện . - Khả năng lọc khuẩn và vi-rút $\geq 99,9\%$. - Thể tích lưu thông khí: từ $\leq 60\text{ml}$ đến $\geq 500\text{ml}$. - Khí thở có độ ẩm $\geq 30\text{mg H}_2\text{O/l}$ tại VT 250ml, thất thoát độ ẩm thấp $\leq 15\text{mg H}_2\text{O/l}$ tại VT 250ml. - Trở kháng tại 30 l/min là $\leq 2\text{ mbar}$; 60 l/min là $\leq 4\text{ mbar}$. - Khoảng chết (Khối lượng nén) $\leq 25\text{ml}$, Cổng kết nối 2 đầu cỡ: 22mm/15mm , có cổng lấy mẫu khí.	Cái	3.792
63	Bộ dây máy thở dùng một lần (loại dài)	Thiết kế đường thở ra và đường thở vào cùng trong một ống dây. Giữa ống có vách ngăn hoặc có thiết kế khác để ngăn cách giữa đường thở ra và đường thở vào để hấp thụ và truyền nhiệt từ đường khí thở ra sang đường khí vào của bệnh nhân. Ống dây dài tối thiểu 180cm, đường kính trong trong khoảng từ 20 đến 22mm. Thành ống và vách ngăn được làm bằng Polyethylene. Độ co giãn dây thở $\leq 1,0\text{ ml/cmH}_2\text{O}$. Ống nối cỡ 22mm. Tăng nhiệt độ khoảng 6 độ C trong khoảng 15 phút đầu.	Bộ	4.104
64	Bộ dây máy thở dùng một lần (loại ngắn)	Thiết kế đường thở ra và đường thở vào cùng trong một ống dây. Giữa ống có vách ngăn hoặc có thiết kế khác để ngăn cách giữa đường thở ra và đường thở vào để hấp thụ và truyền nhiệt từ đường khí thở ra sang đường khí vào của bệnh nhân. Ống dây dài tối thiểu 150cm, đường kính trong trong khoảng từ 20 đến 22mm. Thành ống và vách ngăn được làm bằng Polyethylene. Độ co giãn dây thở $\leq 1,0\text{ ml/cmH}_2\text{O}$. Ống nối cỡ 22mm. Tăng nhiệt độ khoảng 6 độ C trong khoảng 15 phút đầu.	Bộ	36.744
65	Bình hút dịch có van chống tràn	Bằng nhựa PVC, hình ống tròn, dung tích tối thiểu 2000ml, có vạch chia thể tích. Có nắp đậy. Có van chống tràn để tránh trào ngược vào thiết bị hút dịch.	Cái	3.408
66	Bình hút dịch (không có van chống tràn)	Bằng nhựa PVC, hình ống tròn, dung tích tối thiểu 2000ml, có vạch chia thể tích. Có nắp đậy, không có van chống tràn.	Cái	288

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
67	Dây nối bơm thuốc cân quang (Dây chịu áp lực cao)	Dây dài tối thiểu 75cm, được làm từ chất liệu PVC trong, 2 đầu dây có khóa vặn xoắn an toàn tương thích với đầu nối dây truyền dịch và chạc ba tiêm, áp lực $\geq 150\text{psi}$. Đường kính trong 3mm ($\pm 5\%$). Không có chất DEHP hoặc thành phần gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	83.112
68	Bơm tiêm dùng máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp CT 64 lớp cắt.	Sử dụng cho máy bơm tiêm CT 64 lớp cắt, 2 cái/hộp. Bao gồm: - 02 xi lanh dung tích 200ml (Sai số $\pm \leq 5\%$), áp lực $\geq 350\text{psi}$, chất liệu PP, không chứa DEHP; - 2 đầu lấy thuốc; - 01 dây dẫn thuốc áp lực cao chữ Y dài tối thiểu 150cm có 2 van 1 chiều, áp lực $\geq 350\text{psi}$. Tiệt trùng bằng khí EO. Tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang OPTIVANTAGE DH/ MALLINCKRODT/ Mỹ dùng cho máy CT 64 lớp cắt GE OPTIMA 660 đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	1.248
69	Bơm tiêm tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp CT 16 lớp cắt Optivantage	Sử dụng cho máy bơm tiêm CT16 lớp cắt Optivantage. Bao gồm: - 01 xi lanh dung tích 200ml (Sai số $\pm \leq 5\%$), áp lực $\geq 350\text{psi}$, chất liệu PP trong suốt, không chứa DEHP. - 01 ống lấy thuốc nhanh chữ J; - 01 dây nối áp lực cao dài 150cm (Sai số $\pm \leq 5\%$), chất liệu PVC, áp lực $\geq 350\text{psi}$. Tương thích sử dụng cho máy bơm Optivantage hãng Mallinkrodt – Guerbet đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	1.056
70	Bơm tiêm tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp 16 CT lớp cắt Accutron	Sử dụng cho máy bơm tiêm CT16 lớp cắt Accutron. Bao gồm: - 01 xi lanh dung tích 200ml (Sai số $\pm \leq 5\%$), áp lực $\geq 350\text{psi}$, chất liệu PP trong suốt, không chứa DEHP. - 01 ống lấy thuốc nhanh chữ J; - 01 dây nối áp lực cao dài 150cm (Sai số $\pm \leq 5\%$), chất liệu PVC, áp lực $\geq 350\text{psi}$. Tương thích với máy bơm thuốc cân quang Accutron CT của hãng Medtron đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	984

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
71	Bơm tiêm đôi dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang/đôi quang từ Medrad Spectris Solaris EP	Bao gồm: - 01 xilanh dung tích 200ml (Sai số $\pm \leq 5\%$), áp lực ≥ 350 psi, chất liệu PP trong suốt, không chứa DEHP. - 01 ống lấy thuốc nhanh chữ J; - 01 dây nối áp lực cao dài 150cm (Sai số $\pm \leq 5\%$), chất liệu PVC, áp lực ≥ 350 psi. Tương thích với máy bơm thuốc cân quang Accutron CT của hãng Medtron đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	528
72	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp mạch DSA	Bơm làm từ vật liệu nhựa, dùng 1 lần, loại 1 nòng, dung tích 150 ml ($\pm \leq 5\%$). Tương thích với máy bơm thuốc cân quang Model Mark 5 Provis/ Medrad đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.)	Cái	984
73	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm cân quang loại 1 nòng (chụp mạch DSA)	Cấu hình tối thiểu gồm: 01 bơm tiêm loại dung tích khoảng 150ml ($\pm \leq 5\%$) và 01 ống hút. Chịu được áp lực cao tối thiểu 1200psi, có luer lock. Làm bằng chất liệu Polycarbonate, không chứa DEHP. Tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang Mark 7 Arterion của hãng Medrad đang sử dụng tại bệnh viện hữu nghị Việt Đức.	Cái	888
74	Ống đặt nội khí quản	Ống chất liệu PVC, không chứa DEHP, không chứa Latex. Có 1 lỗ thông khí phụ. Có đường cân quang dọc thân ống. Lưu được tối thiểu 21 ngày. Có tối thiểu các cỡ sau: - Loại có bóng: số 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8. - Loại không bóng: số 2.0, 2.5, 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	82.872
75	Ống đặt nội khí quản đầu quặp	Ống nội khí quản kiểu đầu tip quặp. Ống chất liệu PVC y tế. Có 1 lỗ murphy, có đường cân quang chạy dọc thân ống, có vạch chia độ dài, có vạch xác định vị trí ống. Có tối thiểu các cỡ sau: - Loại có bóng: Bóng hình oval. Số: 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8. - Loại không có bóng: Số: 2.5, 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8.	Cái	5.616

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
76	Ống đặt nội khí quản gấp	Ống nội khí quản kiểu đầu gấp. Ống chất liệu PVC. Có đường cản quang và đánh dấu 2 vạch trên ống, có khả năng chống xoắn, mềm theo thân nhiệt. Có các số: 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5; kiểu gấp mũi, gấp tại vị trí khoảng 25cm, có cuff. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	144
77	Ống nội khí quản kèm ống hút	Ống chất liệu PVC mềm, trong suốt. Có thiết kế giúp hạn chế rò rỉ dịch xuống phổi. Có mắt phụ đảm bảo thông khí. Thân ống có vạch cản quang kết hợp có thêm vạch trên bóng giúp hỗ trợ đặt ống đúng vị trí. Có tối thiểu các số: 6.5 (chiều dài từ 315mm - 320mm), 7.0 (chiều dài từ 320mm - 330mm), 7.5 (chiều dài từ 330mm - 350mm), 8.0 (chiều dài $\geq$ 350mm). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	96
78	Ống Juber mở khí quản loại 2 nòng	Ống chất liệu PVC mềm. Loại có bóng, lưu được trong cơ thể từ 28 ngày trở lên, cấu tạo 2 nòng riêng biệt. Phần tai ống trong suốt. Có tối thiểu các số: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, với đường kính nòng từ 5.5mm đến 7.0mm, chiều dài trong khoảng từ 60mm - 80mm.	Cái	144
79	Kim gây tê đám rối 5cm	- Kích thước kim 22G, dài 5cm ($\pm 5\%$); đầu kim vát 30 độ; - Toàn thân cách điện, thân kim có chia vạch mỗi 1cm; - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa Latex, DEHP; - Có dây nối để bơm thuốc, dây nối ở chuỗi kim đảm bảo đầu kim ở vị trí cố định; - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	24.936
80	Kim gây tê đám rối 10 cm	- Kích thước kim 21G, dài 10cm ($\pm 5\%$); đầu kim vát 30 độ; - Toàn thân cách điện, thân kim có chia vạch mỗi 1cm; - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa Latex, DEHP; - Có dây nối để bơm thuốc, dây nối ở chuỗi kim đảm bảo đầu kim ở vị trí cố định; - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	720
81	Kim gây tê tuỷ sống	- Kim gây tê tuỷ sống đầu có 3 mặt vát sắc, chiều dài từ 88 - 90mm; - Chuỗi kim được thiết kế lăng kính pha lê phản quang, có dấu hiệu nhận biết khi dịch chảy ra. Đốc kim trong suốt. - Có tối thiểu các cỡ kim: G18, G20, G22, G25, G27, G29; - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa Latex, DEHP; - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	87.336

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
82	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng số 7F (có định vị ECG)	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng. Một bộ gồm: - Catheter 3 nòng: đường kính 7Fr, chiều dài 20cm ($\pm 5\%$), chất liệu Polyurethan, có cân quang. Có dây dẫn nhịp ECG dùng để kích thích tim khi cấp cứu. - Kích cỡ các nòng 16G, 18G, 18G. - Đầu nối catheter có van an toàn tránh nhiễm khuẩn. - Có dao mổ; - Kim dẫn đường chữ V; - Dây dẫn đường đầu chữ J bằng kim loại dài tối thiểu 50cm. - 01 cây nong bằng nhựa. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Bộ	10.248
83	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng số 7F (không phủ chất kháng khuẩn)	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng. Một bộ gồm: - Catheter 3 nòng: đường kính 7Fr, chiều dài 16cm ($\pm 5\%$) hoặc 20cm ($\pm 5\%$), chất liệu PU, có cân quang. - Kích cỡ các nòng 16G, 18G, 18G. - 01 bơm 5ml; - 01 kim tiêm 20Gx25mm; - Kim dẫn đường chữ Y; - Dây dẫn đường đầu chữ J bằng kim loại dài tối thiểu 50cm. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Bộ	3.600
84	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng số 7F (phủ chất kháng khuẩn)	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng phủ chất kháng khuẩn. Một bộ gồm: - Catheter 3 nòng: đường kính 7Fr, chiều dài 20cm ($\pm 5\%$), chất liệu Polyurethan và Polyhaxanide kháng khuẩn, có cân quang. Có dây dẫn nhịp ECG dùng để kích thích tim khi cấp cứu. - Kích cỡ các nòng 16G, 18G, 18G. - Đầu nối catheter có van an toàn tránh nhiễm khuẩn. - Có dao mổ; - Kim dẫn đường chữ V; - Dây dẫn đường đầu chữ J bằng kim loại dài tối thiểu 50cm. - 01 cây nong bằng nhựa. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Bộ	240

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
85	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng số 5F	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng. Một bộ gồm: - Catheter 3 nòng: đường kính 5Fr, chiều dài trong khoảng 13-15cm ($\pm 5\%$), chất liệu Polyurethan, có cân quang. Có dây dẫn nhịp ECG dùng để kích thích tim khi cấp cứu. - Kích cỡ các nòng 20G, 22G, 22G. - Đầu nối catheter có van an toàn tránh nhiễm khuẩn. - Có dao mổ; - Kim dẫn đường chữ V; - Dây dẫn đường đầu chữ J bằng kim loại dài tối thiểu 50cm. - 01 cây nong bằng nhựa. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Bộ	312
86	Sensor đo cung lượng tim theo cách hiệu chuẩn	Sensor đo cung lượng tim theo cách hiệu chuẩn. Đo được tối thiểu các thông số CCO/CCI, SVV, Sv/SVI, SVR/SVRI. Dây dài ≥ 150cm. Tương thích với máy VIGILEO, EV1000 đang sử dụng tại bệnh viện.	Bộ	192
87	Catheter ngoài màng cứng (02 lớp chất liệu)	Catheter ngoài màng cứng. Một bộ gồm: - Catheter có 2 lớp chất liệu Polyamid và Polyurethan, có cân quang, chiều dài khoảng 1000mm ($\pm 5\%$), cỡ 20G, có tối thiểu 6 lỗ thoát thuốc ở đầu catheter, có 3 đường cân quang ngầm; đầu catheter thuận nhỏ dần để giảm tác động lên màng cứng; - Đầu nối catheter dạng nắp bật; - Kim 18G, dài 80mm ($\pm 5\%$), đầu cong, có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim; - Màng lọc với kích thước lỗ lọc $\leq 0.2\mu\text{m}$ đảm bảo vô khuẩn, có miếng dán cố định bộ lọc. - Có 01 bơm tiêm lớn 20ml, 01 bơm tiêm nhỏ 3ml và 1 kim tiêm đi kèm để bơm thuốc vào catheter. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	1.584
88	Ống Carlens	- Ống được làm bằng nhựa PVC mềm. - Thân ống có sợi X-quang. - Chiều dài ≥ 40cm. - Cung cấp được tối thiểu các cỡ: 35Fr, 37Fr Trái/Phải. - Có 02 bóng chèn. Bóng khí quản được làm từ chất liệu Polyurethane áp lực thấp. Bóng phế quản làm từ chất liệu PVC mềm. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	48
89	Mask thanh quản loại 1 nòng	Loại 1 nòng, chất liệu silicone. Có tối thiểu các số 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5 phù hợp với trọng lượng bệnh nhân từ sơ sinh đến người lớn.	Cái	24

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
90	Mask thanh quản 2 nòng	Loại 2 nòng, chất liệu silicone. Có tối thiểu các số 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5 phù hợp với trọng lượng bệnh nhân từ sơ sinh đến người lớn.	Cái	24
91	Cảm biến đo độ mê sâu.	Sensor loại dán. Tương thích với monitor đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: Complete Monitoring System. Mã 186-1046. Hãng sản xuất/Xuất xứ: Jabil Circuit Singapore Pte Ltd/Singapore. Năm sản xuất 2020).	Cái	72
92	Catheter Fogarty	Catheter lấy huyết khối: - Chiều dài tối thiểu 60cm, có vạch chia trên thân ống; - Cung cấp được tối thiểu các cỡ 2Fr, 3Fr, 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr; - Bóng đầu ống thông bằng cao su hoặc silicon, đường kính bóng có đầy đủ các cỡ từ 5mm đến 14mm. Thể tích bóng có đầy đủ các cỡ từ 0.15mm đến 1.75mm, tùy theo các cỡ catheter.	Cái	504
93	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng số 8Fr	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, cỡ 8Fr, dài tối thiểu 20cm, làm bằng chất liệu Polyurethane, có cân quang. Có vạch chia cm. Bao gồm: dây dẫn, chống gãy gấp, đường kính khoảng 0.035", dài tối thiểu 60cm, 01 bơm tiêm 5ml có lỗ luôn dây dẫn; 01 kim tiêm; 01 dao mổ; 01 kẹp catheter; 01 cây nong; 01 kim thẳng dẫn đường, co nối Y tháo rời được. Kích thước các nòng 14Ga. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	48
94	Sonde hút hệ thống kín	Sonde hút hệ thống kín có van chặn ở đầu ống đảm bảo khí không thoát ra ngoài khi rửa. Làm bằng chất liệu PVC an toàn trong y tế, có vạch đo độ dài để kiểm soát độ sâu khi luồn ống hút. Thời gian sử dụng bộ sonde hút ≥ 72 h. Cung cấp được tối thiểu các số 12 Fr, 14 Fr với chiều dài khoảng 55cm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Ống	1.440
95	Sonde JJ (không kèm dây dẫn hướng)	Sonde JJ loại mở hai đầu: - Chất liệu Polyurethane mềm, có cân quang; - Cung cấp được tối thiểu các cỡ có đường kính 4.7Fr, 5Fr, 6Fr, 6.5Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài từ 16cm đến 30cm;	Cái	10.824

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
96	Tay dao siêu âm phẫu thuật nội soi	Chiều dài cán 350mm ($\pm \leq 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm \leq 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm \leq 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm \leq 5\%$). Lưỡi dao bằng hợp kim Titan được bao phủ lớp chống dính. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	576
97	Tay dao siêu âm mổ mở (loại dài)	Chiều dài cán 230mm ($\pm \leq 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm \leq 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm \leq 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm \leq 5\%$). Lưỡi dao bằng hợp kim Titan được bao phủ lớp chống dính. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Chiếc	48
98	Tay dao siêu âm mổ mở (loại ngắn)	Chiều dài cán 170mm ($\pm \leq 5\%$). Chiều dài hàm dao 16mm ($\pm \leq 5\%$), lưỡi dao dạng kéo, đầu dao cong thon. Lưỡi dao bằng hợp kim Titan được bao phủ lớp chống dính. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Chiếc	240
99	Dây dao siêu âm mổ mở	Dây dao siêu âm mổ mở chuyển hóa điện năng thành dao động cơ học. Tương thích với dao mổ siêu âm đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019).	Chiếc	1.872
100	Dây dao siêu âm mổ nội soi	Dây dao siêu âm mổ nội soi chuyển hóa điện năng thành dao động cơ học. Tương thích với dao mổ siêu âm đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019).	Chiếc	48
101	Tay dao siêu âm không dây	Tay dao siêu âm không dây, dùng trong phẫu thuật nội soi/mổ mở, chiều dài trong khoảng 13-40cm, đầu cong. Cán dao đường kính 5mm ($\pm \leq 5\%$). Chiều dài lưỡi dao hàm hoạt động 15mm ($\pm \leq 5\%$). Cán dao siêu âm có thể xoay 360 độ. Tương thích với Bộ phát năng lượng dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây) và Pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây)	Chiếc	336
102	Pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây)	Pin sạc loại lithium-ion, dung lượng pin: tối thiểu 2830mAh, cung cấp năng lượng cho dao siêu âm không dây đầu cong. Có tay cầm pin. Tương thích với tay dao siêu âm không dây.	Bộ	10

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
103	Bộ phát năng lượng dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây)	Bộ phát năng lượng siêu âm chuyển đổi điện năng từ Pin thành năng lượng siêu âm để vận hành tay dao siêu âm không dây. Có đèn led chỉ thị màu để báo dung lượng pin và nút vận. Tương thích với Tay dao siêu âm không dây	Bộ	10
104	Bộ tay dao hàn mạch loại dài	Tay dao hàn mạch, cung cấp được tối thiểu các kích thước chiều dài tay dao 230mm ($\pm 5\%$) và 370mm ($\pm 5\%$). Cung cấp được dao loại hàm cong và hàm thẳng, hàm phủ chất liệu nano: - Loại cong: chiều dài mỗi hàn 20mm ($\pm 5\%$), chiều dài vết cắt 18mm ($\pm 5\%$). - Loại thẳng: chiều dài mỗi hàn 18mm ($\pm 5\%$), chiều dài vết cắt 16mm ($\pm 5\%$). Dùng trong phẫu thuật mổ mở, mổ nội soi; có chức năng vừa hàn vừa cắt. Tương thích với máy hàn mạch Force Triad của Medtronic/ Covidien đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Chiếc	1.800
105	Bộ tay dao hàn mạch loại ngắn	Chiều dài mỗi hàn 20mm ($\pm 5\%$). Chiều dài vết cắt 20mm ($\pm 5\%$). Mũi dao nhọn loại cong, lưỡi dao phủ nano chống dính. Tay dao hàn mạch mổ mở, chiều dài 200mm ($\pm 5\%$). Dùng trong phẫu thuật mổ mở; có chức năng vừa hàn vừa cắt.	Chiếc	264
106	Dụng cụ khâu cắt nối tự động tròn (đầu đe cố định)	Dụng cụ khâu cắt nối tròn sử dụng pin, có ghim kèm theo. Cung cấp được tối thiểu các cỡ có đường kính ngoài 25mm, 29mm, 31mm. Đường kính lưỡi dao trong khoảng 14mm đến 25mm. Chiều cao ghim mở 5.2mm ($\pm 5\%$), chiều cao ghim đóng điều chỉnh được từ 1.5mm đến 2.2mm để phù hợp với độ dày mô khác nhau. Ghim làm bằng hợp kim Titanium.	Cái	552

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
107	Dụng cụ khâu cắt nối tự động tròn 2 hàng ghim kèm phụ kiện (đầu đe tháo rời được)	Dụng cụ khâu nối tròn 2 hàng ghim. Chiều dài trục 220mm ($\pm 5\%$). Gồm tối thiểu các cỡ: - Đường kính 21mm, 25mm, 28mm. Chiều cao ghim mở 3.5mm ($\pm 5\%$), chiều cao ghim đóng là 1.5mm ($\pm 5\%$). - Đường kính 31mm, 33mm. Chiều cao ghim mở 4.8mm ($\pm 5\%$), chiều cao ghim đóng là 2mm ($\pm 5\%$). Đầu đe nghiêng có kèm phụ kiện đầu tù hoặc nhọn để đưa dụng cụ đến vị trí vết cắt, đầu đe tháo rời được. Ghim bằng Titanium.	Cái	360
108	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc (kèm lưỡi cắt)	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc sử dụng pin. Cung cấp được tối thiểu 2 cỡ với chiều dài 45mm, 60mm, không gồm ghim. Đường kính cán 12mm ($\pm 5\%$), chiều dài cán 350mm ($\pm 5\%$), gấp góc mỗi bên 45 độ ($\pm 5\%$), gồm tối thiểu 3 mức. Hàm làm bằng thép không gỉ, độ mở hàm 22mm ($\pm 5\%$). Có bao gồm lưỡi dao cắt bằng thép không gỉ có thiết kế giúp cắt mô hiệu quả.	Cái	480
109	Ghim khâu máy (không kèm lưỡi cắt)	Mỗi bên có 3 hàng đinh ghim, chất liệu hợp kim Titanium. Không kèm lưỡi cắt. Chiều cao ghim đóng 1.0mm - 2.0mm. Thích hợp với các loại mô có độ dày khác nhau như dạ dày, trực tràng, ruột non, phổi, mạch máu Tương thích với Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc (kèm lưỡi cắt)	Cái	2.064
110	Dụng cụ cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc (không kèm lưỡi cắt)	Dụng cụ khâu cắt dùng trong mổ nội soi tương thích với tất cả băng ghim khâu cắt nội soi. Không gồm ghim. Cung cấp được tối thiểu các cỡ có chiều dài 6cm ($\pm 5\%$), 16cm ($\pm 5\%$) và 26cm ($\pm 5\%$). Dụng cụ có thanh gạt điều khiển gấp góc trên thân. Gấp góc mỗi bên tối đa 45 độ, gồm tối thiểu 10 vị trí gấp góc để điều chỉnh góc quay chính xác đến các vị trí cần phẫu thuật.	Cái	528
111	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng điện tử (không kèm lưỡi cắt)	Dụng cụ loại sử dụng pin Lithium ion. Tự động xoay 360 độ và gấp góc không giới hạn điểm. Thân dụng cụ có Màn hình Led hoặc tốt hơn thể hiện tối thiểu các thông số sau: hiển thị vùng lực và tốc độ bắn theo độ dày của các vùng mô khác nhau, thời lượng pin của dụng cụ. Bộ gồm có 01 tay cầm điện tử, 03 adapter loại thẳng, vỏ bọc vô khuẩn và đầy đủ các phụ kiện đi kèm đảm bảo dụng cụ hoạt động bình thường gồm: - Dụng cụ sạc pin cho dụng cụ khâu cắt nối tự động - Thanh dẫn của dụng cụ khâu cắt nối tự động - Dụng cụ rút thủ công của dụng cụ khâu cắt nối tự động.	Cái	4,00

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
112	Ghim khâu máy (kèm lưỡi cắt)	Băng ghim dập nội soi kèm lưỡi cắt thích hợp với các loại mô có độ dày khác nhau. Thiết kế đe cố định kèm lưỡi dao trên băng ghim. Ghim bằng titan. Cung cấp được tối thiểu 3 loại băng ghim sau: - Băng ghim chiều dài 45mm: băng ghim có 3 hàng ghim mỗi bên không bằng nhau, chiều cao ghim khoảng từ 2.0mm đến 3.0 mm. Chiều cao ghim đóng khoảng từ 0.8mm đến 1.5mm. - Băng ghim chiều dài 45mm: băng ghim có 3 hàng ghim mỗi bên không bằng nhau, chiều cao ghim khoảng từ 3.0mm đến 4.0mm. Chiều cao ghim đóng khoảng từ 1.5mm đến 2.5mm. - Băng ghim chiều dài 60mm: băng ghim có 3 hàng ghim mỗi bên không bằng nhau, chiều cao ghim khoảng từ 3.0mm đến 4.0mm. Chiều cao ghim đóng khoảng từ 1.5mm đến 2.5mm. Tương thích với dụng cụ khâu cắt nội soi thẳng đầu gấp góc và Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng điện tử (không kèm lưỡi cắt)	Cái	2.592
113	Ghim khâu máy gấp góc điềm (đầu cong, kèm lưỡi cắt)	Băng ghim kèm lưỡi cắt, thiết kế 3 hàng ghim mỗi bên với chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 2.0mm, 2.5mm và 3.0mm; Ghim bằng Titanium. Chiều cao mô khi đóng ghim từ 0.85mm - 1.5mm; chiều dài băng ghim 45mm. Có đầu cong định hướng. Tương thích với dụng cụ khâu cắt nội soi thẳng đầu gấp góc.	Cái	312
114	Dụng cụ cắt nối thẳng mô mỡ loại 55mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, không gồm ghim, độ dài đường ghim khâu 60mm ($\pm 5\%$). Dùng được trong phẫu thuật các vị trí: thực quản, dạ dày, lồng ngực... Điều chỉnh được độ đóng của đỉnh ghim trên máy từ 1.5mm đến 2.0 mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu.	Cái	552
115	Ghim khâu máy mô mỡ loại 55mm	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu. Chiều cao ghim đóng từ 1.5mm đến 2.0mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau. Chiều dài đường cắt 60mm ($\pm 5\%$), chiều dài đường ghim 60mm ($\pm 5\%$). Ghim làm bằng hợp kim Titanium. Tương thích với Dụng cụ cắt nối thẳng mô mỡ loại 55mm.	Cái	2.112
116	Dụng cụ cắt nối thẳng mô mỡ loại 75mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, không gồm ghim, độ dài đường ghim khâu 80mm ($\pm 5\%$). Dùng được trong phẫu thuật các vị trí: thực quản, dạ dày, lồng ngực... Điều chỉnh được độ đóng của đỉnh ghim trên máy từ 1.5mm đến 2.0 mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu.	Cái	648

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
117	Ghim khâu máy mổ mở loại 75mm	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu. Chiều cao ghim đóng từ 1.5mm đến 2.0mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau. Chiều dài đường cắt 75mm ($\pm 5\%$), chiều dài đường ghim 80mm ($\pm 5\%$). Ghim làm bằng hợp kim Titanium. Tương thích với Dụng cụ cắt nối thẳng mổ mở loại 75mm.	Cái	2.904
118	Dụng cụ cắt trĩ (≥ 32 ghim)	Dụng cụ cắt trĩ longo đường kính tròn 33mm, đường kính vòng cắt 25mm ($\pm 5\%$). Chiều cao ghim mở 3.5mm ($\pm 5\%$), chiều cao ghim đóng 1.5mm ($\pm 5\%$). Có ≥ 32 ghim bằng titanium. Đầu de tháo rời được. Trên thân dụng cụ có tối thiểu 3 điểm để định vị chính xác phần cắt. Có chỉ thị màu báo hiệu cho phẫu thuật viên sẵn sàng để thao tác.	Cái	600
119	Dụng cụ cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Dụng cụ cắt mạch máu, chạy pin, không gồm ghim. Dài khoảng 320cm ($\pm 5\%$), đường kính cán khoảng 9mm ($\pm 5\%$), gấp góc 50 độ mỗi bên với tối thiểu 3 vị trí. Chiều dài đường ghim khoảng 35mm ($\pm 5\%$), chiều dài đường cắt khoảng 27mm ($\pm 5\%$).	Cái	96
120	Ghim khâu dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Băng ghim mạch máu, mỗi bên 2 hàng ghim, đầu tù. Ghim làm bằng hợp kim Titan. Chiều cao ghim mở khoảng 2.5mm, chiều cao ghim đóng khoảng 1.0mm, gồm tối thiểu 35 ghim. Tương thích với Dụng cụ cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin.	Cái	168
121	Trocar phẫu thuật nội soi 5mm (2 lớp van giữ khí)	Ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 5mm ($\pm 5\%$). Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.608
122	Trocar phẫu thuật nội soi 11mm (2 lớp van giữ khí)	Ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 11mm ($\pm 5\%$). Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.680

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
123	Trocar phẫu thuật nội soi 12mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Troca an toàn, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 12mm ($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân troca không dao có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong giúp tách cơ dễ dàng giúp giảm tỉ lệ thoát vị qua lỗ trocar; - 01 ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định. Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Chuôi Trocar tháo rời được, giúp mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	192
124	Trocar phẫu thuật nội soi 5mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Troca an toàn, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 5mm ($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân troca không dao có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong giúp tách cơ dễ dàng giúp giảm tỉ lệ thoát vị qua lỗ trocar; - 01 ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định. Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Chuôi Trocar tháo rời được, giúp mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.584
125	Trocar phẫu thuật nội soi 11mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Troca an toàn, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 11mm ($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân troca không dao có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong giúp tách cơ dễ dàng giúp giảm tỉ lệ thoát vị qua lỗ trocar; - 01 ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định. Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Chuôi Trocar tháo rời được, giúp mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.560
126	Kéo phẫu thuật nội soi	Kéo cắt phẫu thuật nội soi đầu cong, có cổng nối đốt đơn cực, đường kính thân 5mm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	1.008
127	Clip tự động cỡ nhỏ	Dụng cụ có chứa tối thiểu 30 clip kẹp mạch, chất liệu titanium, kích thước clip khi mở 4.5mm ($\pm 5\%$), sau đóng khoảng 6mm ($\pm 5\%$), chiều dài khoảng 30cm ($\pm 5\%$). Hàm gấp góc 15 độ, có chốt đóng/mở.	Cái	312

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
128	Clip tự động cỡ nhỏ	Dụng cụ có chứa tối thiểu 20 clip kẹp mạch, chất liệu titanium, kích thước clip khi mở 2.3mm ($\pm 5\%$), sau đóng khoảng 3.7mm ($\pm 5\%$), chiều dài khoảng 23cm ($\pm 5\%$). Hàm gấp góc 15 độ, có chốt đóng/mở.	Cái	312
129	Dây cưa xương	Dây dài từ 40-45cm, đường kính khoảng 1.5mm ($\pm \leq 0.2\text{mm}$), chất liệu bằng thép không gỉ.	Cái	5.472
130	Mũi khoan sọ tự dừng (sử dụng một lần)	Các kích thước đường kính trong từ 6mm - 11 mm, đường kính ngoài từ 9mm - 14 mm, độ dày xương sọ 2mm. Chất liệu: Thép không gỉ, đã tiệt trùng. Tương thích với đầu khoan Hudson. Sắc và độ bền tốt.	Cái	408
131	Ống thông nuôi ăn dạ dày, thành bụng	Ống thông nuôi ăn dạ dày, thành bụng: Có bóng cố định, dạng đầu tip. Ống thông làm bằng 100% silicon, dung tích bóng ≥ 10 ml. Có tối thiểu 02 cỡ 20Fr và 24Fr.	Ống	120
132	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng dùng cho Thận nhân tạo (gít ngắn)	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng dùng cho thận nhân tạo. Một bộ gồm: - Catheter 2 nòng: kích thước 12F, cung cấp được tối thiểu các kích cỡ có chiều dài 15cm ($\pm \leq 5\%$) và 20cm ($\pm \leq 5\%$), chất liệu Polyurethan, có cân quang. - Dây dẫn đường đầu chữ J có vạch đánh dấu, chiều dài tối thiểu 60cm. - 01 cây nong cỡ 8Fr và 01 cây nong cỡ 12Fr. - 01 kim dẫn đường cỡ 18G; - 01 bơm tiêm 5ml; - 01 dao mổ. Đóng gói vô trùng đơn chiếc.	Cái	720
133	Giấy gói dụng cụ cho máy hấp nhiệt độ thấp 7.5cm	Kích thước: rộng 7.5cm ($\pm \leq 5\%$). Cấu tạo một mặt là sợi polyethylene, một mặt là giấy y tế chống nhiễm khuẩn. Chỉ thị màu chuyển màu từ trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng. Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt khuẩn Plasma.	Cuộn	480
134	Giấy gói dụng cụ cho máy hấp nhiệt độ thấp 15cm	Kích thước: rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$). Cấu tạo một mặt là sợi polyethylene, một mặt là giấy y tế chống nhiễm khuẩn. Chỉ thị màu chuyển màu từ trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng. Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt khuẩn Plasma.	Cuộn	504

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
135	Giấy gói dụng cụ cho máy hấp nhiệt độ thấp 35cm	Kích thước: rộng 35cm ($\pm \leq 5\%$). Cấu tạo một mặt là sợi polyethylene, một mặt là giấy y tế chống nhiễm khuẩn. Chỉ thị màu chuyển màu từ trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng. Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt khuẩn Plasma.	Cuộn	576
136	Chỉ thị hóa học cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H ₂ O ₂ , chuyển màu biểu thị trên thanh đối chứng khi tiếp xúc với H ₂ O ₂ . Tương thích máy tiệt trùng nhiệt độ thấp của hãng STERRAD (model: 100S) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Que	436.800
137	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Thời gian đọc ra kết quả ≤ 15 phút. Mỗi ống có chứa tối thiểu 1 triệu bào tử Geobacillus sterothermophilus hoặc bào tử có tính chất tương đương. Có chỉ thị hóa học trên nắp ống, chuyển màu sau khi tiếp xúc H ₂ O ₂ . Tương thích với máy đọc của hãng Sanmina Corporation (model:STERRAD VELOCITY Reader (43220)) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Ống	24
138	Băng đựng hóa chất sử dụng với máy hấp nhiệt độ thấp	Mỗi băng gồm ≥ 10 cell, mỗi cell chứa 1,8ml ($\pm \leq 5\%$), H ₂ O ₂ 58%. Tương thích với máy tiệt trùng nhiệt độ thấp của hãng STERRAD (model:100S) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Băng	1.560
139	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO cỡ 150 mm	Kích thước: rộng 150mm ($\pm \leq 5\%$). Gồm ≥ 2 lớp: 1 lớp giấy y tế, 1 lớp bóng kính làm từ PET/ CPP trong suốt hoặc chất liệu tương đương. Chỉ thị màu chuyển màu từ màu trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng.	Cuộn	192
140	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO 350mm	Kích thước: rộng 350mm ($\pm \leq 5\%$). Gồm ≥ 2 lớp: 1 lớp giấy y tế, 1 lớp bóng kính làm từ PET/ CPP trong suốt hoặc chất liệu tương đương. Chỉ thị màu chuyển màu từ màu trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng.	Cuộn	96
141	Bình khí EO	Bình kín chứa ≥ 170 gram khí Ethylene Oxide 100%. Không chứa chất CFC/HCFC. Thiết kế bình tương thích với máy tiệt khuẩn của hãng 3M (model: GS8-2D) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Bình	1.392

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
142	Chất tẩy rửa dùng cho máy rửa dụng cụ y tế	Thành phần tối thiểu bao gồm: Sodiummono (2-ethylhexyl) sulphate ($\leq 3\%$), Anionic surfactants $\leq 5\%$, non-ionic surfactants $\leq 5\%$, polycarboxylates $\leq 5\%$, phosphonates $\leq 5\%$, enzymes. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) và máy rửa của hãng BeliMed (model: WD200) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Can	24
143	Hóa chất H ₂ O ₂ sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Cốc chứa Hydrogen peroxide 59%. Dung tích yêu cầu $\geq 110\text{ml/cốc}$. Sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp của hãng Steris (model: Vpromax) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cốc	96
144	Chi thị hóa học EO	Dùng cho qui trình tiệt khuẩn với khí EO 100% hoặc hỗn hợp khí EO. Kích thước 1,5cm x 20cm ($\pm \leq 5\%$). Vạch màu trên que chỉ thị hóa học chuyển màu khi đạt các điều kiện tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.	Cái	93.600
145	Chi thị sinh học EO	Loại ống kín, mỗi ống chứa tối thiểu 10,000,000 bào tử Bacillus Atrophaeus hoặc bào tử có tính chất tương đương. Dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp. Nhiệt độ ủ: $37^{\circ}\text{C} \pm \leq 2^{\circ}\text{C}$, thời gian đọc được kết quả ≤ 48 giờ. Tương thích với máy đọc của hãng 3M (model: 3MTM Auto Reader 390G) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Ống	312
146	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ enzym trung tính dùng cho máy rửa	Thành phần gồm: Sodiummono (2-ethylhexyl) sulphate ($\leq 3\%$), Subtilisin ($\leq 0,3\%$); 100 g dung dịch chứa: $\leq 5\%$ anionic surfactant, $\leq 5\%$ non-ionic surfactants, $\leq 5\%$ polycarboxylates, $\leq 5\%$ phosphonates, enzymes, chất ức chế ăn mòn, tá dược; pH: 7 – 8. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Lít	312
147	Hóa chất bôi trơn dụng cụ bằng kim loại dùng cho máy rửa Steris	Bảo vệ dụng cụ, ngăn ngừa ăn mòn và rỉ sét. Không chứa Silicon. Không ngăn cản khả năng thâm nhập của hơi nước trong quá trình tiệt trùng. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Can	48

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
148	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ kiểm nghiệm dùng cho máy rửa Steris	Không chứa EDTA và NTA; 100g dung dịch chứa trong khoảng $\geq 5 - \leq 15$ % Phosphate, $\leq 5\%$ chất tạo phức, $\leq 5\%$ polycarboxylates, chất ức chế ăn mòn, tá dược; pH: 10-10.5. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Lít	24
149	Nén đúc bệnh phẩm	Loại nền dạng hạt, dạng viên sấp hoặc dạng bào, màu trắng trong tinh khiết, nền có thể chảy qua bộ lọc có kích thước 10 microns ($\pm 5\%$) và không chứa chất độc hại; độ nóng chảy 55 độ C ($\pm 5\%$).	Kg	2.640
150	Lamelle to	Kích thước: 22x40mm ($\pm 5\%$ từng cạnh), bằng thủy tinh trong suốt, không màu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm, mốc.	Cái	62.400
151	Lamelle nhỏ	Kích thước: 22x22mm ($\pm 5\%$ từng cạnh), bằng thủy tinh trong suốt, không màu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm, mốc.	Cái	93.600
152	Lam kính mài (không phủ cản quang)	Kích thước 75mm x 25mm x 1mm ($\pm 5\%$). Làm bằng thủy tinh, trong suốt, chịu nhiệt độ cao. Lam kính mài góc. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm mốc.	Cái	112.320
153	Lam kính mài phủ cản quang	Kích thước 75mm x 25mm x 1mm ($\pm 5\%$). Làm bằng thủy tinh, trong suốt. Lam kính mài góc, có phần ghi nhãn không thấm với hóa chất và thuốc thử thông thường trong phòng thí nghiệm. Dùng trong xét nghiệm mô bệnh học. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm mốc.	Cái	352.560
154	Lam kính	Kích thước 75mm x 25mm x 1mm ($\pm 5\%$), bằng thủy tinh trong suốt, chịu nhiệt độ cao, không màu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm mốc.	Cái	149.760

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
155	Túi lấy máu ba thành phần	Túi lấy máu ba có sức bền của túi khi ly tâm $\geq 5000g$ trong 10 phút. Túi máu ba được cung cấp kèm theo bộ lấy mẫu chân không kèm theo gồm: giá đỡ lấy máu bằng ống xét nghiệm chân không, có nắp đậy, có kẹp đầu dây và túi nhỏ để lấy mẫu thể tích $\geq 30ml$, kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy và không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu, ống dây lấy máu dài 940-1200mm có 12 dây mã số. Cấu trúc túi máu ba: - Loại 350ml: Túi 1, dung tích 400ml, chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu. túi chứa 49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD. Túi 2: dung tích 400ml chứa huyết tương. Túi 3: dung tích 400ml chứa 78ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M để bảo quản hồng cầu được đến 42 ngày ở 2-6oC. - Loại 250ml: Túi 1, dung tích 300ml, chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu. túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD. Túi 2: dung tích 300ml chứa huyết tương. Túi 3: dung tích 300ml chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M để bảo quản hồng cầu được đến 42 ngày ở 2-6oC.	Túi	135.720
156	Túi lấy máu bốn thành phần (300ml, 400ml)	Túi lấy máu có sức bền của túi khi ly tâm $\geq 5000g$ trong 10 phút. Túi máu ba được cung cấp kèm theo bộ lấy mẫu chân không kèm theo gồm: giá đỡ lấy máu bằng ống xét nghiệm chân không, có nắp đậy, có kẹp đầu dây và túi nhỏ để lấy mẫu thể tích $\geq 30ml$, kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy và không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu, ống dây lấy máu dài 940-1200mm có 12 dây mã số. Cấu trúc gồm: - Loại 350ml: Túi 1, dung tích 400ml, thể tích lấy máu 350ml, chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu. túi chứa 49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD. Túi 2: dung tích 400ml chứa huyết tương. Túi 3: dung tích 400ml chứa 78ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M để bảo quản hồng cầu được đến 42 ngày ở 2-6oC. Túi 4: dung tích 200ml để chứa buffy coat. - Loại 250ml: Túi 1, dung tích 300ml, thể tích lấy máu 250ml chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu. túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD. Túi 2: dung tích 300ml chứa huyết tương. Túi 3: dung tích 300ml chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M để bảo quản hồng cầu được đến 42 ngày ở 2-6oC. Túi 4: dung tích 200ml để chứa buffy coat.	Túi	5.304

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
157	Túi lấy máu bốn thành phần (250ml, 350ml)	Có các loại túi 250ml và 350ml. Túi máu có dây lấy máu, dây nối giữa các túi có đường kính ngoài 4.4 ± 0.1 mm và đường kính trong 3.0 ± 0.1 mm, độ dày thành ống 0.7mm; bộ mã vạch ISBT128, các đoạn mã số được khắc bằng laser. Túi có bộ lấy mẫu chân không kèm theo gồm: ống dây lấy máu dài từ 940 đến 1200mm, có 12 đoạn mã ống, có kẹp nhựa để khóa tạm thời, trên dây lấy mẫu có ngả lấy máu chân không, có túi chứa mẫu ≥ 40 ml, có chụp kéo che đầu kim, kim lấy máu cỡ 16g, có nắp đậy kín kò gây rỉ máu., dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 bảo quản khối hồng cầu được 42 ngày ở nhiệt độ $4^\circ\text{C} \pm 2^\circ\text{C}$. Sức bền của túi : Sức bền ly tâm ≥ 5000 g trong 10 phút. Sức bền áp lực ≥ 0.7 kg/cm ² trong 10 phút. Sức bền nhiệt độ: từ -80°C tới $37^\circ\text{C} \pm 2^\circ\text{C}$. Cấu trúc gồm 4 túi,. Túi 1: dung tích 250ml/350ml chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu, chứa 35ml (túi 250ml) / 49ml (túi 350ml) dung dịch chống đông và bảo quản CPD. Túi 2: dung tích 250ml/350ml để chứa huyết tương; túi có thể bảo quản hồng cầu, huyết tương, tiểu cầu lên tới 5 ngày. Túi 3: dung tích 250ml/350ml, chứa 56ml (túi 250ml) / 80ml (túi 350ml) dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5. Túi 4 có thể tích trong khoảng 80ml để chứa buffy coat. Kích thước mỗi túi cao 160 ± 5 mm, rộng 120 ± 5 mm.	Túi	9.504
158	Tăm bông vô trùng	Vô trùng, đóng gói đơn chiếc, có nhãn mác ghi số lô sản xuất, hạn sử dụng. Đầu tăm bông nhỏ mịn, cán que bằng gỗ.	Cái	20.808
159	Tăm bông nguyên liệu	Đầu tăm bông nhỏ mịn, cán que bằng gỗ.	Cái	101.928
160	Hộp lồng nhựa (petri) Ø90	Đĩa petri sử dụng trong nuôi cấy tế bào chất liệu nhựa Polystyrene trong, đường kính 90 mm ($\pm 5\%$), chiều cao thành đĩa tối thiểu 15mm, mặt đĩa phẳng có nắp đậy, vô trùng.	Đĩa	52.008
161	Hộp lồng nhựa (petri) Ø60	Đĩa petri sử dụng trong nuôi cấy tế bào chất liệu nhựa Polystyrene trong, đường kính 60 mm ($\pm 5\%$), chiều cao thành đĩa tối thiểu 15mm; mặt đĩa phẳng có nắp đậy, vô trùng.	Đĩa	104.016
162	Ống nghiệm viên miêng ngắn (khoảng 12cm)	Kích thước khoảng 12cm x 1.5cm x 1mm ($\pm \leq 5\%$), bằng thủy tinh trong suốt chịu nhiệt độ cao, trung tính, không màu, có viên miêng phẳng.	Cái	8.424

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
163	Ống nghiệm nhỏ 8cm	Kích thước khoảng 12mm x 80mm x 0.6mm ($\pm 5\%$), bằng thủy tinh trong suốt chịu nhiệt độ cao ≥ 70 độ C, trung tính, không màu, miệng ống phẳng.	Cái	253.344
164	Ống máu đông có hạt	Thân làm bằng ống nhựa PE, nắp ống làm bằng nhựa PP, nắp chặt, nhựa dẻo để đảm bảo khi quay ly tâm ống không bị nứt, vỡ. Có nhãn ghi thông tin bệnh nhân. Trong ống chứa các hạt nhựa để các cục máu đông không bám vào thành ống thích hợp lấy máu đông để tách huyết thanh cho 2-4ml máu.	Tube	139.368
165	Ống máu đông không hạt	Thân làm bằng ống nhựa PE, nắp ống làm bằng nhựa PP, nắp chặt, nhựa dẻo để đảm bảo khi quay ly tâm ống không bị nứt, vỡ. Có nhãn ghi thông tin bệnh nhân.	Tube	57.216
166	Ống đông máu natricitrat 3.2%	Ống chân không. Thân ống làm bằng nhựa PET, kích thước 13mmx75mm ($\pm 5\%$), có nhãn ghi thông tin bệnh nhân. Có vạch định mức lấy bệnh phẩm. Bên trong có chất chống đông Natri citrat 3,2%. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc lên đến ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian ≥ 5 phút. Nắp ống chặt, làm bằng nhựa PE, có nút cao su.	Cái	368.160
167	Ống nghiệm Heparine	Thân ống làm bằng nhựa PP, kích thước 13mmx75mm ($\pm 5\%$), có nhãn ghi thông tin bệnh nhân. Có vạch định mức lấy bệnh phẩm. Nắp ống chặt, làm bằng nhựa PE. Bên trong có chất kháng đông Heparin Lithium. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc lên đến ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian ≥ 5 phút.	Cái	1.036.896
168	Ống EDTA	Thân ống làm bằng nhựa PP, kích thước 13x75mm ($\pm 5\%$), có nhãn ghi thông tin bệnh nhân. Có vạch định mức lấy bệnh phẩm. Bên trong có chứa chất chống đông Etylene diaminetetra Acid. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc lên đến ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian ≥ 5 phút. Nắp ống chặt, làm bằng nhựa PE hoặc tương đương.	Cái	827.856
169	Ống nghiệm chân không EDTA K3 2ml	Ống chân không. Thân ống làm bằng PET, kích thước 13mmx75mm ($\pm 5\%$), có nhãn ghi thông tin bệnh nhân. Có vạch định mức lấy bệnh phẩm. Bên trong có chứa chất chống đông Etylene Diaminetetra Acid K3 3.6mg ($\pm 5\%$). Chịu được lực quay ly tâm gia tốc lên đến ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian ≥ 5 phút. Nắp ống chặt, làm bằng nhựa PE hoặc tương đương, có nút cao su. Dung tích lấy mẫu chân không 2ml ($\pm 5\%$).	Cái	665.616

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
170	Ống nghiệm chân không EDTA K3 6ml	Ống chân không. Thân ống làm bằng PET, kích thước 13mmx100mm ($\pm 5\%$), có nhãn ghi thông tin bệnh nhân. Có vạch định mức lấy bệnh phẩm. Bên trong có chứa chất chống đông Etylene Diaminetetra Acid K3 10.8mg ($\pm 5\%$). Chịu được lực quay ly tâm gia tốc lên đến ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian ≥ 5 phút. Nắp ống chặt, làm bằng nhựa PE hoặc tương đương, có nút cao su. Dung tích lấy mẫu chân không 6ml ($\pm 5\%$).	Cái	143.016
171	Đầu côn không lọc 10 μ l	Đầu côn không lọc 1-10 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt.	Cái	104.016
172	Đầu côn có lọc 1000 μ l	Đầu côn có lọc 1000 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA. Khoảng cách từ miệng đầu côn đến màng lọc khoảng 17mm $\pm 5\%$. Đường kính ngoài miệng đầu côn khoảng 9.5 mm $\pm 5\%$, đường kính ngoài đầu hút khoảng 1.3 mm $\pm 5\%$. Chiều dài đầu côn khoảng 75 mm $\pm 5\%$.	Típ	29.952
173	Đầu côn có lọc 200 μ l	Đầu côn có lọc 200 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA. Khoảng cách từ miệng đầu côn đến màng lọc khoảng 12mm $\pm 5\%$. Đường kính ngoài miệng đầu côn khoảng 7.5 mm $\pm 5\%$, đường kính ngoài đầu hút khoảng 0.9 mm $\pm 5\%$. Chiều dài đầu côn khoảng 55 mm $\pm 5\%$.	Típ	9.984
174	Đầu côn có lọc 1-10 μ l	Đầu côn có lọc 1-10 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA.	Cái	59.904
175	Đầu côn có lọc 1-20 μ l	Đầu côn có lọc 1-20 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA.	Cái	52.920
176	Đầu côn vàng	Bằng nhựa cứng, không bị biến dạng khi hấp tiệt khuẩn nhiệt độ cao 121 độ C. Đầu côn có khóa, vạch chia.	Cái	488.808
177	Đầu côn xanh	Đầu côn không lọc, thể tích làm việc 1000 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP). Không chứa RNase, DNase và DNA. Chiều dài đầu côn khoảng 70 mm $\pm 5\%$.	Cái	20.808

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
178	Pipette nhựa	Dung tích 3ml, nhựa dẻo, không bị vỡ bầu bóp. Không bị biến dạng khi hấp tiệt khuẩn nhiệt độ cao 121 độ C.	Cái	187.200
179	Lọ xét nghiệm vi sinh	Chất liệu bằng nhựa cứng trong suốt, không màu, có nắp xoáy. Có nhãn ghi thông tin bệnh nhân. Có nhãn ghi số lô sản xuất, hạn sử dụng. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Lọ	31.200
180	Ống máu lắng	Ống thủy tinh chân không kích thước 8mmx120 mm ($\pm 5\%$) chứa 0.32 mL chất chống đông dung dịch Natri citrate (3.2%). Dung tích lấy mẫu 1.28ml ($\pm 5\%$). Có nắp chặt. Trên thân ống có tem để ghi thông tin bệnh nhân. Có vạch chia thể tích trên thân ống. Tương thích với máy xét nghiệm máu lắng đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: Mixrate X20/ Electa Lab/ Ý).	Cái	25.488
181	Giấy in cho máy EO	Kích thước (rộng x dài): 80 mm x 30m ($\pm \leq 2\%$). Sử dụng cho máy tiệt trùng khí EO của hãng 3M (model: GS8-2D) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cuộn	72
182	Bóng đèn nội khí quản	Cường độ sáng mạnh, lắp vừa với lưới đèn nội khí quản.	Cái	984
183	Lưới đèn nội khí quản loại thường	Lưới đèn nội khí quản có bóng đèn, tương thích với khớp trên đầu các loại cán tay cầm đèn đặt nội khí quản sử dụng pin loại C.	Chiếc	792
184	Dầu bảo quản máy khoan sọ não loại bình xịt	Dầu bảo quản máy khoan sọ não loại bình xịt, dung tích $\geq 300\text{ml}$ / 1 chai. Dùng cho máy khoan của hãng Medtronic và hãng NSK đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Chai	120
185	Đầu chụp cắt mở sọ	Dài 8cm ($\pm \leq 5\%$), có chân bảo vệ mô mềm. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	144
186	Đầu chụp mũi khoan mài loại dài 9cm	Dài 9cm ($\pm \leq 5\%$), đầu thẳng. Dùng trong phẫu thuật tuyến yên. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	24
187	Đầu chụp mũi khoan tạo hình thẳng loại dài 8cm	Dài 8cm ($\pm \leq 5\%$), đầu thẳng. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	48

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
188	Đầu chụp mũi khoan loại dài 14cm	Dài 14cm ($\pm \leq 5\%$), gấp góc. Dùng trong phẫu thuật nội soi u tuyến yên. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	48
189	Bộ Garo hơi chân	Bộ Garo chân hơi dài ≥ 60 cm, chất liệu silicon, hấp sấy tiệt trùng được. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	48
190	Bộ dây thở người lớn (có bể nước)	Bộ dây thở, loại dùng nhiều lần, cấu tạo bao gồm: - 04 sợi dây silicon dài 60 cm ($\pm 5\%$), đường kính khoảng 22mm ($\pm 5\%$); - 02 bể nước - 01 cút nối chữ Y; - 01 cút nối bóng bóp. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	96
191	Bộ dây thở người lớn dùng cho máy gây mê kèm thở	Bộ dây thở dùng cho máy gây mê kèm thở, loại dùng nhiều lần, cấu tạo bao gồm: - 02 đoạn dài 150 cm ($\pm \leq 5\%$); - 01 đoạn dài 120 cm ($\pm \leq 5\%$); - 01 cút nối chữ Y; - 01 cút nối bóng bóp. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	24
192	Cảm biến lưu lượng tương thích cho máy mê, máy thở hãng Draeger.	Dải lưu lượng đo được từ: 0 đến ≥ 160 lít/ phút tại điều kiện tiêu chuẩn; độ chính xác: $\pm \leq 8\%$ số đọc khi dùng với máy thở của hãng Draeger; Trở kháng dòng: $< 2,5$ mbar. Sử dụng cho máy mê, máy thở của hãng Draeger (model: Evita, Fabius) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	120
193	Cảm biến ôxy, tương thích cho máy mê, máy thở hãng Draeger.	Dải đo: từ 0 đến 100% ôxy; Sai số tuyến tính: $\pm \leq 3\%$ tương đối; Thời gian đáp ứng yêu cầu: ≤ 12 giây; Dải áp suất từ $\leq 0,6$ đến ≥ 2 bar; Nhiệt độ vận hành từ 0 đến ≥ 50 độ C. Sử dụng cho máy mê, máy thở của hãng Draeger (model: Evita, Fabius) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
194	Cảm biến ôxy của máy gây mê kèm thở hãng GE	Dải đo từ 0 đến 100% ôxy; Sai số tuyến tính: $\pm \leq 3\%$ tương đối; Thời gian đáp ứng: ≤ 12 giây; Dải áp suất từ $\leq 0,6$ đến ≥ 2 bar; Nhiệt độ vận hành từ 0 đến ≥ 50 độ C. Sử dụng cho máy gây mê kèm thở của hãng GE (Model: 9100c NXT, Aespire, Avance) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	48

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
195	Bộ cáp điện tim loại 5 điện cực của máy monitor Spacelabs	Bao gồm cả phần cáp kéo dài kết nối vào máy và phần cáp bệnh nhân. Cảm biến điện tim loại 5 điện cực. Cáp nối dài $\geq 300\text{cm}$. Sử dụng cho máy monitor của hãng Spacelabs (model: SL2400, Qube) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	96
196	Bộ cáp điện tim loại 5 điện cực của máy monitor Philips	Bao gồm cả phần cáp kéo dài kết nối vào máy và phần cáp bệnh nhân. Cảm biến điện tim loại 5 điện cực. Cáp nối dài $\geq 300\text{ cm}$. Sử dụng cho máy monitor của hãng Philips (model: CM10, MP40, MX 450) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	144
197	Cáp đo IBP của máy monitor Spacelabs	Dài $\geq 300\text{ cm}$. Sử dụng cho máy monitor của hãng Spacelabs (model: SL2400, Qube) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
198	Cảm biến oxy cho máy thở Newport E360	Dài đo từ 0 đến 100% ôxy; Tín hiệu đầu ra từ 10 đến 13,5 mV; Sai số: $\pm \leq 2\%$ toàn dải đo; Thời gian đáp ứng tối đa: ≤ 13 giây; Nhiệt độ vận hành từ 0 đến ≥ 45 độ C. Sử dụng cho máy thở của hãng Covidien (Newport E360) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	48
199	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng Spacelabs	Cảm biến SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor. Dây cáp nối dài $\geq 300\text{cm}$. Sử dụng cho máy monitor của hãng Spacelabs (model: SL2400, Qube, Elance) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	192
200	Bộ bàn cực trung tính của dao mổ Berchtold loại dùng cho người lớn.	Bao gồm cả bộ bàn cực và bộ cáp nối vào dao mổ điện Berchtold. Chất liệu silicon , chiều dài cáp nối $\geq 300\text{cm}$, loại dùng cho người lớn. Sử dụng cho dao mổ Berchtold đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	312
201	Bộ bàn cực trung tính bằng silicon của dao mổ Valleylab, Erbe loại dùng cho người lớn.	Bao gồm cả bộ bàn cực và bộ cáp nối vào dao mổ điện Valleylab, Erbe. Chất liệu silicon , chiều dài cáp nối $\geq 300\text{ cm}$, loại dùng cho người lớn. Sử dụng cho dao mổ Valleylab, Erbe đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	168

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
202	Bao đo huyết áp người lớn và trẻ em, của monitor hãng GE	Loại sử dụng nhiều lần. Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 4000 và Dash 5000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
203	Băng đo huyết áp người lớn	Loại sử dụng nhiều lần cho người lớn. Sử dụng cho các dòng monitor của hãng Philips (Model: CM10, MP40, MX 450); của hãng Mindray (Model: Umec 12, iMec) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	840
204	Bộ cáp đo SpO2 loại đút ngón tay sử dụng cho người lớn	Loại sử dụng nhiều lần cho người lớn, loại đút ngón tay. Chất liệu bằng Silicon. Sử dụng theo chuẩn Nellcor, dây cáp nối dài ≥ 300 cm. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
205	Cáp đo IBP của máy monitor Philips	Chiều dài ≥ 300 cm, loại sử dụng nhiều lần. Sử dụng cho máy monitor của hãng Philips (model: MP40, MX450) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
206	Bộ cáp đo điện tim loại 5 điện cực của máy monitor GE	Bao gồm cả phần cáp kéo dài kết nối vào máy và phần cáp bệnh nhân. Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 4000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	48
207	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng Mindray.	Bao gồm tối thiểu: Cảm biến SpO2 kẹp ngón tay theo chuẩn Nellcor, cáp nối dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Mindray (model: VS 800) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	120
208	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng Phillips	Bao gồm tối thiểu: Cảm biến SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor. Dây cáp nối dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Philips (Model: MP20, MP30, MP40) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	360

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
209	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng GE	Bao gồm tối thiểu: Cảm biến SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor. Dây cáp nối dài $\geq 250\text{cm}$. Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 5000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	48
210	Cáp đo IBP của máy monitor GE	Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 4000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
211	Bẫy nước EtCo2 Tương thích với máy gây mê kèm thở của hãng GE	Chất liệu nhựa, có cốc tách nước. Tương thích với máy gây mê kèm thở của hãng GE (model: Avance) đang được sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
212	Dây dao lưỡng cực mổ mở dùng với dao mổ điện	Chiều dài dây $\geq 350\text{ cm}$. Tương thích với tay dao lưỡng cực và dao mổ điện hãng Valleylab đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	960
213	Tay dao lưỡng cực mổ mở dùng với dao mổ điện	Kẹp lưỡng cực sử dụng nhiều lần dạng lưỡi lê, chiều dài 20cm ($\pm 5\%$), đường kính đầu kích hoạt 2,0mm ($\pm 5\%$). Tương thích với dao điện của hãng Valleylab đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	120
214	Đầu dao điện nối dài tương thích với dao điện của hãng Valleylab	Dùng trong phẫu thuật lồng ngực. Chiều dài thân $\geq 16\text{cm}$, chiều dài đầu kích hoạt 2,5 cm ($\pm 5\%$). Tương thích với dao điện của hãng Valleylab đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	216
215	Cảm biến lưu lượng tương của máy thở Engstrom	Cảm biến đo lưu lượng khí từ 0 - ≥ 200 lít/phút. Hấp tiệt trùng được ở nhiệt độ $\geq 120^\circ\text{C}$. Sử dụng cho máy thở Engstrom của hãng GE đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	168
216	Van thở ra kèm cảm biến lưu lượng, tương thích với máy thở Engstrom	Van thở ra, chất liệu nhựa, hấp tiệt trùng được. Tương thích với máy thở Engstrom của hãng GE đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	96

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
217	Tấm điện cực trung tính cho trẻ em	Tấm điện cực trung tính cho trẻ em trong khoảng từ 2,5kg đến 15kg. Độ dày yêu cầu trong khoảng từ 0.07cm đến 0.16cm, diện tích bề mặt hoạt động 75cm ² ($\pm \leq 5\%$). Chất liệu Polyhesive Hydrogel. Dùng được trong tất cả các phẫu thuật có sử dụng dao mổ điện đơn cực, tương thích với các loại dao mổ điện đơn cực Vallleylab đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Bộ	288
218	Dung dịch tan gỉ hợp chất vô cơ	Dung dịch làm sạch các loại gỉ, vết đốm, cặn, làm sáng bóng dụng cụ. Thành phần: Glycolic Acid 8% hoặc hợp chất có tính năng tương đương. Dung tích tối thiểu 1500ml/ bộ.	Bộ	96
219	Dung dịch tan gỉ hợp chất hữu cơ	Dung dịch làm sạch các loại gỉ, các vết bẩn từ mỡ, vết cặn. Thành phần: Triethanolamine 8% hoặc hợp chất có tính năng tương đương. Dung tích tối thiểu 1500ml/ bộ.	Bộ	72
220	Dung dịch bôi trơn dụng cụ	Dung dịch bôi trơn, bảo dưỡng kéo dài tuổi thọ dụng cụ y tế. Thành phần: Petroleum hydrocarbonds 5g hoặc hợp chất có tính năng tương đương. Dung tích ≥ 3700 ml/can.	Can	72
221	Núm quay tốc độ máy bơm tiêm điện	Tương thích với bơm tiêm điện của hãng Terumo (model: TE331, SS700, LF600) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
222	Đầu dao 23 kHz cỡ chuẩn	Đầu dao 23 kHz tương thích với dao mổ siêu âm của hãng Integra (model: Cusa Excel) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	48
223	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu 23 kHz	Bộ tích hợp dao điện cầm máu, dùng cho tay dao 23 kHz tương thích với dao mổ siêu âm của hãng Integra (model: Cusa Excel) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	48
224	Bộ dây bơm tiết trùng cho tay dao 23 kHz	Bộ dây bơm tiết trùng cho tay dao 23 kHz tương thích với dao mổ siêu âm của hãng Integra (model: Cusa Excel) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	48

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
225	Tấm điện cực trung tính	Độ dày yêu cầu trong khoảng từ 0.07cm đến 0.16cm, diện tích bề mặt hoạt động 135cm ² ($\pm \leq 5\%$). Chất liệu Polyhesive Hydrogel. Dùng được trong tất cả các phẫu thuật có sử dụng dao mổ điện đơn cực, tương thích với các loại dao mổ điện đơn cực Valleylab đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	4.320
226	Đế nhựa của bơm đôi	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
227	Gioăng bơm đôi	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
228	Van một chiều bơm đôi	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
229	Van 1 chiều vào	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
230	Van 1 chiều ra	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
231	Bộ dây hút dịch	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
232	Gioăng bơm siêu lọc	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
233	Vòng bi của bơm tăng cường	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	240
234	Phốt bơm	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	240

STT	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
235	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO cỡ 200 mm	Kích thước: rộng 200mm ($\pm \leq 5\%$). Gồm ≥ 2 lớp: 1 lớp giấy y tế, 1 lớp bóng kính làm từ PET/ CPP trong suốt hoặc chất liệu tương đương. Chỉ thị màu chuyển màu từ màu trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng.	Cuộn	96
236	Cảm biến lưu lượng cho máy gây mê kèm thở hãng GE	Cảm biến lưu lượng sử dụng cho máy gây mê kèm thở. Sử dụng cho máy gây mê kèm thở của hãng GE (model: 9100c NXT, Aespire, Avance) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Chiếc	72
237	Tay khoan lỗ (Đầu chụp mũi khoan tự dùng)	Tốc độ khoan yêu cầu ≥ 1035 vòng/phút. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	144
238	Đầu chụp khoan mài loại dài 10cm, gấp góc.	Dài 10cm ($\pm \leq 5\%$), đầu gấp. Dùng cho mổ phẫu thuật cột sống. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	96
239	Dây nối tẩm điện cực trung tính	Dây nối tẩm điện cực trung tính, sử dụng nhiều lần, chiều dài ≥ 450 cm Tương thích với dao điện của hãng Valleylab đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	2.736
240	Bộ bình dẫn lưu có điều chỉnh áp lực	- Bình chứa dẫn lưu màng phổi không dùng cột nước, khoang chứa có chia vạch. - Có bộ điều chỉnh áp lực. - Có van một chiều đặt trước khoang chứa dịch, đảm bảo khoảng chết tối thiểu ≤ 60ml, áp lực mở van < 1cmH₂O. - Dung tích khoang chứa dịch: ≥ 1.000 ml. - Có đầu xả dịch ở đáy bình kèm khóa đóng mở.. - Dây nối tới bệnh nhân có gắn quả bóp để sử dụng khi không có nguồn hút bên ngoài. - Có chân đế hoặc quai treo - Có cổng lấy mẫu.	Cái	7.320
241	Giấy ghi điện tim 12 kênh cho máy Philips	Giấy ghi điện tim 12 kênh, giấy TC50 dạng tập Z-Fold, kích thước khổ A4 sử dụng cho máy Philips Goldway (Shenzhen) Industrial inc/Trung Quốc (Model Page writer TC50)	Tờ	187.200

III. CÁC YÊU CẦU KHÁC:

- Hàng hóa được bàn giao tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Hạn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao
- Cam kết cung cấp các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.
- Phương thức giao nhận: Căn cứ số lượng gọi hàng của Bệnh viện, Bên bán thực hiện việc xuất hóa đơn bao gồm Thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa do bên bán chịu, cam kết tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 48 giờ kể từ khi có yêu cầu của Bệnh viện.

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: /VĐ-VTTBYT ngày tháng năm 2024)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT vật tư mời chào giá (Theo phụ lục 01)	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model/ Hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá trước VAT ⁽⁸⁾ (VND)	VAT (%)	Đơn giá sau VAT (VND)	Thành tiền trước VAT (VND)	Thành tiền sau VAT (VND)
1		Thiết bị A										
2		Thiết bị B										
n		...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị ghi rõ giá trị thuế VAT (0, 5, 8, 10%...) cho từng thiết bị.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày tháng năm [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

